

Số: 612/2019/QĐST-DS

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 6 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Biên hòa giải thành ngày 30 tháng 5 năm 2019 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 33/2015/TLST-DS ngày 30 tháng 01 năm 2015 về việc “Tranh chấp thừa kế”.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn:

- Bà La Ngân C, sinh năm 1958.

- Bà Trần Thanh Ngọc Giang V, sinh năm 1983.

Cùng địa chỉ: 111/11/15 đường X, Phường M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Trần Thanh Ngọc Giang L1, sinh năm 1980.

Địa chỉ: 96A đường N, Phường M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Trần Thị Minh Đ1, sinh năm 1955.

Địa chỉ: 214 Đường S (số mới là số 214 đường Đ), Phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Vũ Thị L2, sinh năm 1948.

- Ông Trần Nghĩa H1, sinh năm 1973.

- Bà Trần Vũ H2, sinh năm 1975.

Cùng địa chỉ: Số 45 Đường S, T, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Trần Thị X, sinh năm 1948.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Lộc Đ2, sinh năm 1975.

Địa chỉ: 17/19 đường T, Tổ M, Khu phố M, phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Trần Thị L3, sinh năm 1972

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện M, tỉnh B.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Xác nhận nhà, đất tại địa chỉ số 214 Đường S (số mới là số 214 đường Đ), Phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, hồ sơ gốc số 03992/2003, ngày 30/10/2003 do Ủy ban nhân dân Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp) là di sản thừa kế của ông Trần Đình T1 để lại; chia đều giá trị nhà và giá trị quyền sử dụng đất ở tại địa chỉ kể trên cho 04 người con mỗi người được hưởng 1/4 kỷ phần bao gồm:

2.1.1. Ông Trần Đình T2, sinh năm 1943, chết năm 2002, có vợ là bà Vũ Thị L2, sinh năm 1948 và 02 con là ông Trần Nghĩa H1, sinh năm 1973 và bà Trần Vũ H2, sinh năm 1975.

2.1.2. Bà Trần Thị X, sinh năm 1948.

2.1.3. Ông Trần Thanh L4, chết năm 2007 có vợ là bà La Ngân C, sinh năm 1958 và 02 người con là bà Trần Thanh Ngọc Giang V, sinh năm 1983 và bà Trần Thanh Ngọc Giang L1, sinh năm 1980. Ngoài ra, ông L4 còn có 01 người con riêng tên Trần Thị L3, sinh năm 1972.

2.1.4. Bà Trần Thị Minh Đ1, sinh năm 1952.

2.2. Ông Trần Đình T2, ông Trần Thanh L4, bà Trần Thị X và Bà Trần Thị Minh Đ1, mỗi người được nhận 1/4 kỷ phần di sản thừa kế của ông Trần Đình T1 để lại.

2.2.1. Ông Trần Đình T, chết năm 2002. Vợ ông Tòng là bà Vũ Thị L2 và 02 con của ông Tòng là ông Trần Nghĩa H1 và bà Trần Vũ H2, mỗi người được nhận 1/3 kỷ phần của ông Tòng được nhận từ 1/4 di sản thừa kế của ông Trúc.

2.2.2. Ông Trần Thanh L4, chết năm 2007. Vợ ông L4 là bà La Ngân C và 03 người con của ông Lâm là bà Trần Thanh Ngọc Giang V, bà Trần Thanh Ngọc Giang L1 và bà Trần Thị L3, mỗi người được nhận 1/4 kỷ phần của ông L4 được nhận từ 1/4 di sản thừa kế của ông T1.

2.3. Bà Trần Thị Minh Đ1, bà Vũ Thị L2, ông Trần Nghĩa H1, bà Trần Vũ H2, bà La Ngân C, bà Trần Thanh Ngọc Giang V, bà Trần Thanh Ngọc Giang L1 và bà Trần Thị L3 có trách nhiệm hoàn trả lại cho bà Trần Thị X chi phí mà bà X đã bỏ ra để sửa chữa căn nhà tại địa chỉ số 214 Đường S (số mới là số 214 đường Đ), Phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh với số tiền là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng). Cụ thể như sau:

2.3.1. Bà Trần Thị Minh Đ1 trả cho bà X số tiền là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

2.3.2. Vợ con ông T2 là bà Vũ Thị L2, ông Trần Nghĩa H1 và bà Trần Vũ H2, mỗi người trả cho bà X số tiền là 33.333.333 đồng (Ba mươi ba triệu ba trăm ba mươi ba ngàn ba trăm ba mươi ba đồng).

2.3.3. Vợ con ông L4 là bà La Ngân C, bà Trần Thanh Ngọc Giang V, bà Trần Thanh Ngọc Giang L1 và bà Trần Thị L3, mỗi người phải trả cho bà X số tiền là 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng).

2.4. Trong thời hạn từ 06 tháng đến 01 năm, kể từ ngày Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, nếu các đương sự vẫn không thống nhất được việc bán nhà, đất tại địa chỉ số 214 Đường S (số mới là số 214 đường Đ), Phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh để chia di

sản thừa kế theo như đã thỏa thuận, thì các bên đương sự có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản theo quy định của pháp luật.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Bà Trần Thị X, Bà Trần Thị Minh Đ1, bà La Ngân C và bà Vũ Thị L2 đều được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

3.2. Ông Trần Nghĩa H1 và bà Trần Vũ H2, mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.006.611 đồng (Mười triệu không trăm lẻ sáu ngàn sáu trăm mười một đồng).

3.3. Bà Trần Thanh Ngọc Giang V, bà Trần Thanh Ngọc Giang L1 và bà Trần Thị L3, mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 7.560.198 đồng (Bảy triệu năm trăm sáu mươi ngàn một trăm chín mươi tám đồng).

3.4. Hoàn lại cho bà La Ngân C, bà Trần Thanh Ngọc Giang V và bà Trần Thanh Ngọc Giang L1 số tiền tạm ứng án phí là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) theo biên lai thu số AE/2012/03611 ngày 17/10/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Võ Thị Mỹ Hạnh